

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần HDXX sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Quang Huy.
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Thanh Xuân; 2. Ông Phạm Đình Thìn.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Đại diện VKSND huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đình
- Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 09/5/2018, tại trụ sở TAND huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số:92/2017/TLST-DS ngày 25/10/2017, Về việc “ ***Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*** ” theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXX-ST ngày 01/3/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đồng Thị U, sinh năm 1963 - Do ông Trần Văn C, sinh năm 1959 là đại diện theo ủy quyền (có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Khu 1, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đồng bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; Anh Dương Ngọc Đ, sinh năm 1973 (vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn C, sinh năm 1959 (có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Khu 1, thị trấn K, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ls Nguyễn Văn Đ1
- Văn phòng Luật sư C- Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2017, nguyên đơn bà Đồng Thị U trình bày: Ngày 26/12/2016, chị Nguyễn Thị L có vay của bà số tiền là 20.000.000đ, thời hạn trả ngày 26/01/2017, có giấy vay tiền do chị L ký. Trong giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất, nhưng có thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 3000đ/1triệu/1ngày; Đến hạn trả nợ, chị L mới trả được cho bà 03 tháng lãi theo thỏa thuận với số tiền là 5.400.000đ và không trả được tiền gốc. Bà đã đòi nhiều lần nhưng chị L chỉ khát lần, khát lượt mà không chịu thu xếp tiền trả cho bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu chị L và anh Đ (chồng

chị L) phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay gốc là 20.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ tháng 4/2017 cho tới nay.

- Theo các bản khai có trong hồ sơ, ông Trần Văn C là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 26/12/2016, chị L có vay của bà U (vợ ông) số tiền là 20.000.000đ, thời hạn trả ngày 26/01/2017, có viết giấy vay tiền do chị L ký, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 3000đ/1triệu/1ngày; Đến hạn trả nợ, chị L mới trả được cho bà U tiền lãi là 5.400.000đ và không trả được tiền gốc. Bà U đòi nhiều lần nhưng chị L không chịu thu xếp trả tiền cho bà U. Nay ông xác định số tiền bà U cho chị L vay là tiền C của ông và bà U, nên ông yêu cầu chị L và anh Đ (chồng chị L) phải có nghĩa vụ trả cho bà U (vợ ông) số tiền vay gốc là 20.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ tháng 4/2017 cho tới nay; Số tiền lãi đã trả 5.400.000đ ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Theo các bản khai có trong hồ sơ, bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị xác nhận ngày 26/12/2016, chị có vay của bà U số tiền là 20.000.000đ, thời hạn trả nợ ngày 26/01/2017, khi vay có viết giấy vay tiền do chị ký. Trong giấy vay tiền không ghi lãi suất, nhưng có thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 3000đ/1triệu/1ngày; Mục đích vay là để cho người khác vay lại với lãi suất cao hơn để kiếm lời; Đến hạn trả nợ, chị chưa trả được tiền vay gốc cho bà U, nhưng chị đã trả tiền lãi cho bà U theo thỏa thuận đến hết tháng 5/2017 với số tiền là 7.200.000đ nhưng không viết giấy trả tiền. Nay chị còn nợ bà U số tiền vay gốc là 20.000.000đ và tiền lãi từ tháng 6/2017 cho tới nay. Khi chị vay tiền của bà U thì anh Đ (chồng chị) không biết. Nay bà U kiện đòi tiền, thì cá nhân chị có trách nhiệm trả cho bà U, không liên quan gì đến anh Đ (chồng chị), nhưng chị không đồng ý trả lãi suất 3000đ/1triệu/1ngày vì là lãi suất cao, chị chỉ đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật kể từ khi vay cho tới nay. Số tiền lãi đã trả thì chị yêu cầu đối trừ vào tiền lãi theo quy định của pháp luật mà chị phải trả, nếu còn thừa thì đối trừ vào tiền vay gốc.

- Theo bản khai ngày 28/02/20148, bị đơn anh Dương Ngọc Đ trình bày: Anh không quen biết và không vay tiền gì của bà U; Việc chị L (vợ anh) vay tiền của bà U như thế nào, mục đích để sử dụng vào việc gì thì anh không hề biết; Nếu chị L (vợ anh) vay tiền của bà U thì cá nhân chị L phải có trách nhiệm trả bà U, không liên quan gì đến anh. Do công việc bận nên anh không thể đến Tòa án làm việc được, vì vậy anh đề nghị Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt anh.

- Tại phiên tòa hôm nay: Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu chị L và anh Đ (chồng chị L) phải có nghĩa vụ trả cho bà U số tiền vay gốc là 20.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật, cụ thể là 10% năm kể từ tháng 4/2017 cho tới nay; Số tiền lãi đã trả 5.400.000đ theo lãi suất thỏa thuận đã song nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân trình bày quan điểm: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng nh- tại phiên tòa Thẩm phán, th- ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS; Các đương sự cơ bản thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị đơn là chị L và anh Đ (chồng chị L) chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, như vắng mặt tại phiên hòa giải, cũng như các phiên tòa không có lý do.

Nay đề nghị HĐXX; Buộc chị L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà U tiền lãi và tiền vay gốc, cụ thể như sau: Tiền lãi phải trả theo quy định của pháp luật là: $20.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 16 tháng = 2.722.399đ$; Do chị L đã trả tiền lãi được số tiền là 5.400.000đ nên được trừ vào tiền lãi và tiền vay gốc cho chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Cá nhân chị L vay của bà U số tiền 20.000.000đ, có viết giấy vay tiền. Đến hạn trả nợ, chị L chỉ trả được cho bà U tiền lãi, chưa trả tiền vay gốc; Bà U đã đòi nhiều lần nhưng chị L không chịu thu xếp tiền trả. Do đó bà U khởi kiện yêu cầu chị L và anh Đ (chồng chị L) phải trả cho bà U tiền vay gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào nội dung khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì xác định đây là tranh chấp về " *Hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Lạng Giang theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung tranh chấp và yêu cầu khởi kiện: Ngày 26/12/2016, chị L có vay của bà U số tiền 20.000.000đ, khi vay có viết giấy vay tiền do chị L ký. thời hạn trả nợ ngày 26/01/2017(01 tháng), giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất, nhưng có thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 3000đ/1triệu/1ngày; Đến hạn trả nợ, chị L mới trả được cho bà U số tiền là 5.400.000đ tương ứng với 03 tháng lãi theo thỏa thuận và chưa trả tiền vay gốc. Bà U yêu cầu chị L và anh Đ (chồng chị L) phải trả cho bà U số tiền vay gốc là 20.000.000đ và tiền lãi 10%/ năm kể từ tháng 4/2017 cho tới ngày xét xử; Số tiền 5.400.000đ trả lãi theo thỏa thuận đã xong, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong các lời khai chị L thừa nhận ngày 26/12/2016 có vay của bà U số tiền là 20.000.000đ, thời hạn trả nợ vào ngày 26/01/2017(01tháng), lãi suất thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 3000đ/1triệu/1ngày; Đến nay chị xác nhận chưa trả tiền vay gốc 20.000.000đ cho bà U, nhưng chị đã trả tiền lãi theo thỏa thuận cho bà U số tiền là 7.200.000đ (khi trả không viết giấy trả tiền). Nay chị nhất trí trả bà U tiền vay gốc 20.000.000đ và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật kể từ khi vay cho tới nay,

nhưng chị không đồng ý trả theo lãi suất 3000đ/1triệu/1ngày vì là lãi suất cao, về số tiền 7.200.000đ đã trả thì chị yêu cầu tính vào tiền lãi theo quy định của pháp luật, nếu còn thừa thì trừ vào tiền vay gốc.

Xét thấy: Do chị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên bà U yêu cầu chị L phải trả cho bà U số tiền vay gốc là 20.000.000đ, tiền lãi suất 10%/năm và chị L cũng đồng ý với yêu cầu trên; Nên cần được chấp nhận. Tuy nhiên, chị L không đồng ý trả lãi theo thỏa thuận là 3000đ/1triệu/1ngày vì là lãi suất cao và chị yêu cầu đối trừ số tiền lãi đã trả vào tiền lãi theo quy định của pháp luật, nếu còn thì trừ vào tiền vay gốc, yêu cầu này của chị L là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận; Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm; Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực*" và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*".

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu anh Dương Ngọc Đ (chồng chị L) phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà U; Tuy nhiên chị L khẳng định, khi vay tiền của bà U thì anh Đ (chồng chị) không biết và mục đích vay tiền là để cho người khác vay lại với lãi suất cao hơn, hiện chưa đòi được và anh Đ khẳng định, anh không quen biết và không vay mượn tiền gì của bà U nên anh không có nghĩa vụ phải trả bà U; Do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà U, Luật sư và người đại diện theo ủy quyền của bà U để buộc anh Đ (chồng chị L) phải chịu trách nhiệm liên đới.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị L và anh Dương Ngọc Đ vắng mặt, Tuy nhiên Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy báo phiên tòa cho chị L và anh Đ hợp lệ; Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh Đ theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào yêu cầu cụ thể của các bên đương sự; HĐXX cần buộc chị L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà U tiền lãi và tiền vay gốc, cụ thể như sau:

- Tiền lãi từ ngày vay 26/12/2016 đến ngày xét xử 09/5/2018 là 16 tháng 12 ngày, như vậy: $20.000.000đ \times \text{lãi suất } 10\% / \text{năm tương ứng với } 0,83\% / \text{tháng} \times \text{với thời gian phải trả lãi}$; cụ thể $20.000.000đ \times 0,83\% / \text{tháng} \times 16 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 2.722.399đ$; Do chị L đã trả tiền lãi được số tiền là 5.400.000đ nên được đối trừ vào tiền lãi phải trả là 2.722.399đ, tiền lãi còn thừa là 2.677.601đ và tiếp tục được đối trừ vào tiền vay gốc là 20.000.000đ; Như vậy tiền vay gốc còn phải trả là 17.322.399đ.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật; Hoàn trả cho bà Đồng Thị Úc tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463; 464; 465; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự; Điều 26; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho bà Đồng Thị U số tiền vay gốc là 17.322.399 đồng (Mười bảy triệu ba trăm ba nghìn hai trăm chín chín đồng)

2. Án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu 866.119 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Đồng Thị U số tiền 500.000 đồng tạm ứng án phí (do ông Trần Văn C nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0004122 ngày 25/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự (có mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKS tỉnh Bắc Giang.
- VKS huyện Lạng Giang.
- THA huyện Lạng Giang.
- Các đương sự, lưu hồ sơ, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Giỏp Quang Huy